TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-03-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Dân

Ông Nguyễn Tấn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1990; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ Tòa án gửi văn bản: Số XX đường T, xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phùng Quốc Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-9-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phùng Quốc Đ có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ngày 16-12-2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung. Nay chị xin ly hôn với anh Phùng Quốc Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phùng Quốc T (sinh ngày 14-8-2013) hiện đang sống cùng anh Đ ở Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và cháu Phùng Ngọc Quỳnh A (sinh ngày 28-02-2018) hiện đang sống cùng chị N ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chị N yêu cầu cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Ngọc Quỳnh A đến tuổi trưởng thành, đối với cháu Phùng Quốc T nếu có nguyện vọng sống với anh Đ thì chị đồng ý giao cháu cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị và anh Đ không cấp dưỡng nuôi con với nhau, còn nếu cháu T có nguyện vọng sống với chị thì chị xin nuôi dưỡng và yêu cầu anh Đ thực hiện cấp dưỡng cho hai con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N xác định chị yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là anh Phùng Quốc Đ, sinh năm 1985, cư trú Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng mới chính xác, đơn khởi kiện do chị thuê đánh máy ghi nhầm bị đơn tên Phùng Quốc H là không chính xác, chị đề nghị Tòa án cập nhật ghi nhận đúng họ tên bị đơn là anh Phùng Quốc Đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phùng Quốc Đ trình bày:

Anh chỉ có tên Phùng Quốc Đ, sinh năm 1985, cư trú Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, ngoài ra không có tên gọi nào khác, sự việc chị N khởi kiện xin ly hôn ghi nhầm tên là Phùng Quốc H là không chính xác, nay anh cũng đề nghị Tòa án cập nhật ghi nhận đúng họ tên của anh là Phùng Quốc Đ.

Về vấn đề hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung giữa anh với chị N thì anh cũng thống nhất như chị N trình bày, nay chị N xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hiện cháu Phùng Quốc T (sinh ngày 14-8-2013) đang sống với anh ở Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và cháu Phùng Ngọc Quỳnh A (sinh ngày 28-02-2018) hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn anh yêu cầu giao cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh cũng thống nhất là anh và chị N không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, về con chung thì giao cháu Quỳnh A cho nguyên đơn tiếp

tục nuôi dưỡng và giao cháu Quốc T cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, nguyên đơn và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vụ án hôn nhân và gia đình về *"ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và nguyên đơn có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn anh Phùng Quốc Đ có nơi cư trú tại Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bé N và anh Phùng Quốc Đ tự nguyện kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số XX ngày 16-12-2013 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn thì chị N và anh Đ chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Qua xác minh địa phương nơi anh, chị từng cùng nhau sinh sống không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh, chị (bút lục số 56). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ. Tuy nhiên, chị N và anh Đ thống nhất ly hôn, không đoàn tụ. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hai bên đã sống ly thân và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn và anh Đ cũng đồng ý là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung và cấp dưỡng cho con: Chị N và anh Đ trình bày anh chị có hai con chung là cháu Phùng Quốc T (sinh ngày 14-8-2013) hiện đang sống cùng anh Đ và cháu Phùng Ngọc Quỳnh A (sinh ngày 28-02-2018) hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng/cháu, tuy nhiên, nếu cháu T có nguyện vọng sống với anh Đ thì chị đồng ý giao cháu cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chị, anh Đ không cấp dưỡng cho con, hiện chị đang làm công nhân và có mức lương ổn định để nuôi cả hai con chung; Anh Đ thì yêu cầu giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con, hiện anh làm ruộng có thu nhập đủ để nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại Công văn số 65/PLĐ-TB&XH ngày 03-3-2021 của Phòng

Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T ý kiến cho rằng anh Đ và chị N làm ruộng và không thuộc đối tượng hộ nghèo, cận nghèo ở địa phương, do đó về mặt kinh tế chị N và anh Đ đều có khả năng đảm bảo tốt cuộc sống của con chung, việc giao con chung cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng là do cha, mẹ các cháu thỏa thuận, cháu T đã trên 07 tuổi nên cần thuận theo nguyện vọng của cháu. Xét thấy, hiện cháu T do anh Đ trực tiếp chăm sóc, cháu đang đi học với sức khỏe tốt, lanh lợi, hoạt bát và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh Đ (bút lục số 57). Còn cháu Quỳnh A do chị N trực tiếp chăm sóc, được đảm bảo nuôi dưỡng phát triển tốt và hiện cháu chỉ mới 36 tháng 12 ngày tuổi. Cho nên giao cháu T cho anh Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành và giao cháu Quỳnh A cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, do anh chị mỗi người đều nuôi dưỡng một con chung nên không ai phải cấp dưỡng cho con là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cả hai cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của chị N, anh Đ và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị N và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nên yêu cầu khởi kiện của chị N về con chung là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận như đã phân tích trên.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Đ đều thống nhất trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 8, Điều 9, Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé N với bị đơn anh Phùng Quốc Đ về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bé N được ly hôn với anh Phùng Quốc Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phùng Quốc T (sinh ngày 14-8-2013) cho anh Phùng Quốc Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành; Giao cháu Phùng Ngọc Quỳnh A (sinh ngày 28-02-2018) cho chị Huỳnh Thị Bé N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Chị Huỳnh Thị Bé N và anh Phùng Quốc Đ không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bé N và anh Phùng Quốc Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008234 ngày 04-01-2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T (HTT);
- UBND xã TT (HTT);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Nhẫn